

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mầm

2. Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 402/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Bích Th**, sinh năm 1972 (Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1964 (Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Bùi Bích Th trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 1990, bà và ông Nguyễn Tấn T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà và ông T chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 1998 bà và ông T phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, ông T đập phá đồ đạc và không cho bà sử dụng các vật

dụng trong nhà, hôn nhân giữa bà và ông T không còn hòa hợp, không còn hạnh phúc. Nay, bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Tấn T có 03 (Ba) người con chung tên: Nguyễn Bích Nh, sinh năm 1991; Nguyễn Như Ph, sinh năm 1997; Nguyễn Như H, sinh năm 2004. Hiện tại các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Tấn T không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Tấn T không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 13/7/2022 bị đơn là ông Nguyễn Tấn T trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 1990, ông và bà Bùi Bích Th chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông và bà Th chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 1998 ông và bà Th phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, tính tình ông nóng nảy nên có chửi mắng bà Th và có đập đồ đạc trong nhà. Trước yêu cầu ly hôn của bà Th thì ông không đồng ý ly hôn do ông vẫn còn thương bà Th và muốn hàn gắn để vợ chồng chung sống cùng chăm lo cho con cháu.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà Bùi Bích Th có 03 (Ba) người con chung tên: Nguyễn Bích Nh, sinh năm 1991; Nguyễn Như Ph, sinh năm 1997; Nguyễn Như H, sinh năm 2004. Hiện tại các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống ông và bà Bùi Bích Th không có tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống ông và bà Bùi Bích Th không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông bà, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Bùi Bích Th và anh Nguyễn Tấn T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng nguyên đơn là bà Bùi Bích Th và bị đơn là ông Nguyễn Tấn T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Bích Th và ông Nguyễn Tấn T tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1990, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Bà Th và ông T thừa nhận trong thời gian chung sống bà Th và ông T có mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, ông T tính tình nóng nảy, chửi mắng bà Th và có đập đồ đạc, không cho bà Th sử dụng các vật dụng trong nhà, bà Th xác định hôn nhân giữa bà và ông T không còn hòa hợp, không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét thấy, giữa bà Th và ông T trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, bà Th cương quyết ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn nhưng ông T không có biện pháp gì để níu kéo, hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông với bà Th, điều này cho thấy hôn giữa bà Th và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được; mặt khác, bà Bùi Bích Th và ông Nguyễn Tấn T chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay không đăng ký kết hôn nên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà Th và ông T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Bùi Bích Th và ông Nguyễn Tấn T thống nhất trong thời gian chung sống bà Th và ông T có 03 (Ba) người con chung tên: Nguyễn Bích Nh, sinh năm 1991; Nguyễn Như Ph, sinh năm 1997; Nguyễn Như H, sinh năm 2004. Hiện tại các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, bà Th và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Bùi Bích Th và ông Nguyễn Tấn T thống nhất trong thời gian chung sống bà Th và ông T không có tài sản chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ thu, nợ trả: Bà Bùi Bích Th và ông Nguyễn Tấn T thống nhất trong thời gian chung sống bà Th và ông T không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Bích Th và ông Nguyễn Tấn T.

2. Về con chung: Bà Bùi Bích Th và ông Nguyễn Tấn T thống nhất trong thời gian chung sống bà Th và ông T có 03 (Ba) người con chung tên: Nguyễn Bích Nh, sinh năm 1991; Nguyễn Như Ph, sinh năm 1997; Nguyễn Như H, sinh năm 2004. Hiện tại các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, bà Th và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Bùi Bích Th và ông Nguyễn Tấn T thống nhất trong thời gian chung sống bà Th và ông T không có tài sản chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ thu, nợ trả: Bà Bùi Bích Th và ông Nguyễn Tấn T thống nhất trong thời gian chung sống bà Th và ông T không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng

ông bà, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Bùi Bích Th phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008219 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Bà Bùi Bích Th và ông Nguyễn Tấn T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền